

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 682/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG
SẮT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012 – 2015**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tờ trình số 2159/TTr-ĐS ngày 21 tháng 10 năm 2011, văn bản số 845/ĐS-KHTK ngày 25 tháng 4 năm 2012), báo cáo thẩm định của Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 1599/BGTVT-KHĐT ngày 09 tháng 3 năm 2012),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu phát triển:

Tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo hướng thu gọn đầu mối; sắp xếp hợp lý các đơn vị trực thuộc bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhà nước, thu hút tối đa mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phương tiện vận tải đường sắt.

Phấn đấu đến năm 2015, lượng luân chuyển hàng hóa đạt 27.424 triệu tấn.km, lượng luân chuyển hành khách đạt 27.774 triệu hành khách.km; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt từ 10%/năm trở lên.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

a) Hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt:

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I; ưu tiên hoàn thành cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Thống nhất tốc độ kỹ thuật tối đa 120 km/h với tàu khách và 80 km/h với tàu hàng và tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội

- Hải Phòng nhằm nâng cao năng lực vận tải và an toàn chạy tàu.

- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, đường sắt tiêu chuẩn Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Đồng Đăng; khi điều kiện cho phép thì triển khai một số đoạn, tuyến được lựa chọn. Cơ bản hoàn thành hiện đại hóa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt trên các tuyến đường sắt quốc gia. Liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để làm tổng thầu thực hiện các dự án xây dựng mới đường sắt, đường sắt đô thị. Huy động các nguồn lực xây dựng đường sắt kết nối đến cảng biển, khu công nghiệp, khu mỏ và trung tâm du lịch lớn; chủ động chuẩn bị các dự án phát triển đường sắt, ưu tiên được tham gia đầu tư xây dựng đường sắt đô thị theo hình thức hợp tác công - tư.

- Tập trung đầu tư bảo đảm trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt; ưu tiên thực hiện giai đoạn 2 của kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành các dự án tách cầu chung giữa đường sắt, đường bộ; triển khai đầu tư xây dựng hầm chui đèo Khe Nét.

- Triển khai thực hiện và đưa vào khai thác từng phần tiến tới toàn bộ tuyến đường sắt đô thị số 1 tại Thủ đô Hà Nội, đường sắt trên cao Trảng Bom - Hòa Hưng tại Thành phố Hồ Chí Minh; nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Nội Bài. Xây dựng ga Hà Nội thành ga trung tâm của đường sắt vừa là đầu mối trung chuyển, kết nối các loại phương tiện vận tải, vừa là trung tâm dịch vụ đa năng.

(Danh mục các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt giai đoạn 2012 - 2015 nêu tại Phụ lục I kèm theo).

b) Phương tiện, thiết bị đường sắt:

- Đầu tư đầu máy: Phấn đấu nâng cao thị phần nội địa hóa trong sản phẩm hoàn chỉnh nhằm triển khai chương trình cơ khí trọng điểm chế tạo đầu máy diesel. Lắp ráp, chế tạo đầu máy diesel hiện đại có công suất lớn 2.000 HP để loại bỏ đầu máy lạc hậu, công suất nhỏ bằng vốn vay ưu đãi của nước ngoài và trong nước.

- Đầu tư toa xe: Tiếp tục đóng mới các loại toa xe khách chất lượng cao, hiện đại, toa xe hàng nhiều chủng loại phù hợp nhu cầu vận chuyển trong nước và xuất khẩu. Thực hiện các dự án đóng mới hoặc toa xe bằng vốn vay ưu đãi trong nước, ưu tiên huy động các thành phần kinh tế cùng tham gia. Liên doanh, liên kết để chế tạo các loại xe cao cấp, đoàn tàu DMU, EMU phục vụ đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, đường sắt cận cao tốc sau này.

- Đầu tư cơ sở công nghiệp: Hoàn thiện công nghệ lắp ráp đầu máy diesel công suất từ 1.500 - 2.500 CV, đầu tư xây dựng dây chuyền công nghệ lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng đoàn tàu tự hành (DMU, EMU) để vận tải hành khách nội, ngoại ô. Đầu tư, đưa vào sử dụng dây chuyền sửa chữa lớn đầu máy diesel, hệ thống xếp, dỡ hàng hóa. Phát triển mạng lưới cơ khí đường sắt đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trong và ngoài ngành.

(Danh mục các dự án đầu tư phương tiện, thiết bị đường sắt giai đoạn 2012 - 2015 nêu tại Phụ lục II kèm theo).

c) Nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xây lắp. Tiếp tục đầu tư, kêu gọi các cổ đông chiến lược cùng đầu tư thành lập một số công ty cổ phần xây dựng đường sắt tại 3 khu vực Bắc, Trung, Nam có đủ khả năng tham gia các dự án hiện đại hóa đường sắt, xây dựng đường sắt đô thị và kinh doanh quỹ đất do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý. Chủ động tham gia đấu thầu xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông và các công trình dân dụng khác.

d) Dịch vụ đường sắt và các dịch vụ khác:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, khả năng cạnh tranh, mở rộng quy mô các loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ vận tải, logistic, công nghiệp, vật tư, thiết bị, thương mại, du lịch... Tập trung đầu tư hệ thống kết nối hạ tầng phục vụ trực tiếp cho vận tải đường sắt như hệ thống nhà ga, kho, bãi hàng... nhằm phát triển mạnh sản xuất, tạo điều kiện phát triển vững chắc cho toàn ngành. Phân đấu đến năm 2015, vận tải hàng hóa đạt 13,7 triệu tấn/năm, vận chuyển hành khách đạt 17,7 triệu lượt hành khách/năm.

- Tham gia liên kết với ngành viễn thông nhằm khai thác hiệu quả hơn hạ tầng thông tin tín hiệu đường sắt; phát triển các công ty cổ phần, liên doanh đầu tư kinh doanh bất động sản, sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nhiên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành đường sắt và các nhu cầu khác của nền kinh tế quốc dân, đảm bảo có hiệu quả và hỗ trợ tốt cho sự phát triển của các ngành sản xuất kinh doanh chính.

- Xây dựng cơ chế hoạt động theo hướng liên danh các doanh nghiệp cùng có lợi ích về kinh tế chịu sự chi phối về công nghệ và thương hiệu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Kêu gọi các nguồn lực về vốn, kỹ thuật, công nghệ, lao động, trình độ tổ chức quản lý để tham gia thực hiện các dự án lớn phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt, phát triển thương hiệu vận tải và cơ giới hóa đường sắt với nhiều hình thức khác nhau như PPP, BOT, BT...

đ) An toàn giao thông đường sắt:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ và khẩn trương triển khai các dự án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

(Danh mục các dự án bảo đảm an toàn giao thông đường sắt giai đoạn 2012 - 2015 nêu tại Phụ lục số I kèm theo).

e) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực đường sắt:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức, đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty cũng như của ngành đường sắt Việt Nam.

- Nghiên cứu phát triển các cơ sở đào tạo theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu đổi mới, hiện đại hóa và phát triển của ngành đường sắt trong từng giai đoạn.

- Chủ động kế hoạch đào tạo cán bộ, công nhân viên để quản lý, khai thác đường sắt đô thị.

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước, ngoài nước, các tổ chức đường sắt quốc tế để đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề cho ngành đường sắt tiếp cận công nghệ và quản lý đường sắt hiện đại.

3. Về tái cơ cấu, sắp xếp cổ phần hóa các doanh nghiệp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:

- Thực hiện tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Thành lập Trung tâm ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn đường sắt Việt Nam theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghiên cứu việc thành lập Học viện công nghệ đường sắt Việt Nam.

4. Vốn cho đầu tư phát triển:

- Tổng vốn đầu tư phát triển của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 dự kiến khoảng 199.598 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, khoảng 194.998 tỷ đồng. Trong đó, vốn xây dựng cơ bản 169.045 tỷ đồng (vốn nâng cấp đường sắt hiện có 26.456 tỷ đồng; vốn đầu tư xây dựng đường sắt đô thị, đường sắt đầu mối 39.555 tỷ đồng; vốn đầu tư xây dựng mới các tuyến đường sắt quan trọng 99.714 tỷ đồng; vốn đầu tư xây dựng mới các tuyến đường sắt nối đến cảng lớn, khu mỏ, khu công nghiệp, du lịch 3.320 tỷ đồng); vốn bảo đảm an toàn giao thông đường sắt 25.953 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư phát triển phương tiện, thiết bị phục vụ vận tải, khoảng 1.800 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các doanh nghiệp xây lắp, công nghiệp, quản lý kết cấu hạ tầng, dịch vụ vận tải đường sắt, khoảng 2.700 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy cho các cơ sở đào tạo đường sắt và đầu tư phát triển cơ sở vật chất khác, khoảng 100 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm; vốn ODA; vốn tự huy động thông qua khai thác quỹ đất, đầu tư theo hợp đồng PPP, BOT, BT; liên doanh, liên kết góp vốn đầu tư; vốn tự có; vốn vay ưu đãi trong nước, vay thương mại; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Vốn cho quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt:

Vốn sự nghiệp kinh tế khoảng 10.000 tỷ đồng. Căn cứ khả năng của ngân sách nhà nước và nhu cầu thực tế, các Bộ, ngành xem xét, cân đối mức vốn sự nghiệp kinh tế cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam bảo đảm mục tiêu quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

1. Bộ Giao thông vận tải:

- Theo dõi chỉ đạo, tạo điều kiện cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, bảo đảm an toàn giao thông và các nội dung của Quyết định này.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí đủ vốn cho công tác quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp trong việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện công tác tái cơ cấu, sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa doanh nghiệp.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xây dựng cơ chế tạo vốn đầu tư nâng cấp và phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt theo tiêu chuẩn đường sắt khu vực và Kế hoạch phát triển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

Hướng dẫn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xây dựng cơ chế huy động vốn từ khai thác quỹ đất hiện nay do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đang quản lý và khai thác, đặc biệt tại các ga nằm tại trung tâm đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn... để hợp tác đầu tư khai thác nhằm bổ sung nguồn vốn sự nghiệp kinh tế phục vụ công tác duy tu sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt cũng như bổ sung nguồn trả nợ các dự án Chính phủ vay để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm:

- Trên cơ sở Kế hoạch này, Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chủ động triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt, kế hoạch phát triển phương tiện, trang thiết bị phục vụ vận tải, kế hoạch đầu tư phát triển công nghệ xây dựng đường sắt, tạo điều kiện phát triển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong giai đoạn 2012 - 2015 đúng với yêu cầu phát triển của ngành đường sắt và đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Tranh thủ sự chỉ đạo của các Bộ, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp giảm chi phí đầu vào, tăng cường năng lực cạnh tranh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế theo Chỉ thị số 22/2005/CT-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - sân bay

Nội Bài, Dự án đường sắt trên cao Trảng Bom - Hòa Hưng và các tuyến khác theo hình thức BOT, PPP.

- Phối hợp với các Tập đoàn: Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Hóa chất Việt Nam, các Tổng công ty: Hàng hải, Hàng không, Xi măng, Lương thực... thực hiện tốt kế hoạch vận chuyển hàng hóa, hành khách, hợp tác đầu tư các dự án lớn nhằm phát triển đồng bộ và bảo đảm lợi ích của quốc gia.

5. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan, theo chức năng, thẩm quyền, có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi và xem xét giải quyết những khó khăn, vướng mắc của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong quá trình triển khai Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Ban CEĐ Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và công nghệ, Tài nguyên và Môi trường;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố có liên quan đường sắt;
- Cục Đường sắt Việt Nam;
- Các Tập đoàn kinh tế: Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, Dầu khí VN, Hóa chất VN;
- Các Tổng công ty: Đường sắt VN, Xi măng VN, Hàng không VN, Hàng hải VN, Lương thực miền Bắc, Lương thực miền Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, công TTĐT, các Vụ: KTTH, ĐMDN, QHQT, NC, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTN (5).

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

(Kèm theo Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

| Thứ tự | Tên dự án | Quy mô đầu tư giai đoạn 2012 - 2015 |
|----------|---|--|
| A | ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT | |
| I | Dự án trên các tuyến đường sắt hiện có | |
| * | Các dự án chuyển tiếp | |
| 1 | Nâng cao an toàn cầu đường sắt tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh | 44 cầu |
| 2 | Hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt các tuyến Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Thái Nguyên và khu đầu mối Hà Nội, giai đoạn 1 | |
| 3 | Hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Vinh - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn 1 | Thông tin 36 ga; tín hiệu 03 ga |
| 4 | Hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn 2 | Thông tin 97 ga, tín hiệu 72 ga, giám sát 54 ga và hạng mục khác |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Yên Viên - Lào Cai | 185 km |
| 6 | Tiểu dự án cải tạo thoát nước dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh | |
| 7 | Khôi phục 10 cầu trên tuyến đường sắt Thống Nhất | 10 cầu |
| 8 | Hiện đại hóa trung tâm điều hành vận tải | |
| 9 | Dự án Đường sắt Thống Nhất | 1.726 km |

| | | |
|----|---|---------------|
| 10 | Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh | 65 cầu |
| 11 | Nâng cấp đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn | |
| 12 | Di dời ga Phan Thiết khỏi thành phố Phan Thiết | 01 ga - 10 km |
| 13 | Di dời ga Chợ Sy trên tuyến đường sắt Thống Nhất | 01 ga - 10 km |
| 14 | Kiên cố hóa đường sắt từ Bình Định đến Khánh Hòa theo lệnh khẩn cấp | 200 km |
| 15 | Gia cố khẩn cấp 2 điểm sạt trượt tuyến đường sắt Yên Viên - Lào Cai | |
| 16 | Kiên cố hóa Km344+750 - Km354+950 tuyến đường sắt Thống Nhất | |
| 17 | Thay tà vẹt bê tông K1, K2, tà vẹt sắt bằng tà vẹt bê tông dự ứng lực, kéo dài đường ga, đặt thêm đường số 3 với một số ga chỉ có 2 đường đoạn Vinh - Nha Trang | |
| * | Các dự án khởi công mới | |
| 1 | Hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt các tuyến Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Thái Nguyên và khu đầu mối Hà Nội, giai đoạn 2 | |
| 2 | Hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Vinh - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn 2 | |
| 3 | Khôi phục cầu Long Biên | 01 cầu |
| 4 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng | 96 km |
| 5 | Hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt tuyến Hà Nội - Hải Phòng | |
| 6 | Vào cấp đường sắt Hà Nội - Vinh | |
| 7 | Vào cấp đường sắt đoạn Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh | |

| | | |
|------------|--|---------------|
| | Minh | |
| 8 | Xây dựng hầm đường sắt Hải Vân | |
| 9 | Cải tạo đường sắt khu vực Khe Nét | |
| 10 | Đường ngang các tuyến đường sắt phía Bắc sông Hồng và đường sắt vành đai Hà Nội | |
| 11 | Gia cố các hầm xung yếu trên đường sắt Thống Nhất | |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên | |
| 13 | Cải tạo, nâng cấp đường sắt Kép - Chí Linh | |
| 14 | Cải tạo, nâng cấp đường sắt Kép - Lưu Xá | |
| II | Dự án đường sắt đầu mối, đường sắt đô thị | |
| * | Các dự án chuyển tiếp | |
| 1 | Xây dựng đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 1 | |
| * | Các dự án khởi công mới | |
| 1 | Nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Nội Bài | |
| 2 | Dự án Đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng, tuyến đường sắt Thống Nhất | |
| 3 | Xây dựng đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 2A (đoạn Giáp Bát - Ngọc Hồi) | |
| 4 | Đường sắt đầu mối Hà Nội nhánh phía Đông (Đông Anh - Cổ Loa - Yên Viên - Trung Màu - Như Quỳnh - Tân Quang - Văn Giang - Ngọc Hồi) | |
| 5 | Đường sắt đầu mối Nha Trang | |
| III | Dự án xây dựng mới đường sắt đến cảng, khu mỏ, khu công nghiệp, khu kinh tế... | Theo khả năng |
| 1 | Xây dựng đường sắt đến cảng Đình Vũ - Hải Phòng | |

| | | |
|-----------|--|-----------|
| 2 | Xây dựng đường sắt đến cảng Cửa Lò | |
| 3 | Xây dựng đường sắt đến mỏ sắt Thạch Khê | |
| 4 | Xây dựng đường sắt từ mỏ Bôxít Bình Phước - Vũng Tàu | |
| 5 | Khôi phục đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt | |
| IV | Dự án chiến lược phát triển đường sắt | |
| 1 | Đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh | 1.630 km |
| 2 | Xây dựng tuyến đường sắt đôi cận cao tốc khổ 1.435 mm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội trở thành đường đôi | 530 km |
| B | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ GIẢNG DẠY CHO CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐƯỜNG SẮT | |
| 1 | Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy cho cơ sở đào tạo đường sắt | 01 trường |
| C | ĐẦU TƯ BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT | |
| * | Các dự án chuyển tiếp | |
| 1 | Xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn giao thông nông thôn giữa đường sắt và đường bộ (Hạng mục do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện) | |
| 2 | Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo Quyết định 1856, giai đoạn 2, tiểu dự án 1 | |
| * | Các dự án khởi công mới | |
| 1 | Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo Quyết định 1856, giai đoạn 2, tiểu dự án 2 (kể | |

| | | |
|---|--|--|
| | cả kinh phí giải phóng mặt bằng cho 29 tỉnh) | |
| 2 | Xây dựng mới các cầu đường bộ để tách khỏi cầu chung đường sắt theo lệnh khẩn cấp (3 cầu) | |
| 3 | Xây dựng mới các cầu đường bộ để tách khỏi cầu chung đường sắt (4 cầu) | |
| 4 | Đền bù, giải tỏa hành lang an toàn đường sắt và cưỡng chế giải tỏa các công trình vi phạm hành lang an toàn đường sắt tại 5 thành phố lớn. | |
| 5 | Lập lại trật tự hành lang an toàn đường sắt theo Quyết định 1856, giai đoạn 3 (xây dựng cầu vượt đường sắt) | |

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT GIAI ĐOẠN 2012 – 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

| Thứ tự | Tên dự án | Quy mô đầu tư giai đoạn 2012 - 2015 |
|----------|---|-------------------------------------|
| A | DỰ ÁN ĐẦU TƯ TOA XE | |
| 1 | Đóng mới toa xe khách bằng vốn ưu đãi trong nước | 120 toa xe |
| 2 | Đóng mới toa xe hàng bằng vốn vay ưu đãi trong nước | 900 toa xe |
| 3 | Đóng mới toa xe bằng vốn liên kết với chủ hàng | 100 toa xe |
| B | DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐẦU MÁY | |

| | | |
|----------|---|---------------------------|
| 1 | Lắp ráp, chế tạo đầu máy xe lửa trong nước (vốn vay ưu đãi Ngân hàng phát triển Việt Nam) | 20 đầu máy |
| C | DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP | |
| 1 | Dây chuyền đóng mới toa xe hoặc sửa chữa xe tự hành đường sắt đô thị vốn ODA hoặc theo hợp đồng BOT | Công suất 100 toa xe/năm |
| 2 | Dây chuyền đại tu đầu máy (động cơ diesel, hệ thống điều khiển) | |
| 3 | Dây chuyền lắp ráp chế tạo đầu máy, đoàn tàu DMU, EMU | Công suất 100 đầu máy/năm |
| 4 | Dây chuyền đóng mới toa xe | |
| 5 | Cơ giới hóa xếp dỡ hàng hóa bằng nguồn vốn vay trong nước, vốn ODA hoặc theo hợp đồng BOT | Toàn bộ |
| D | CÁC DỰ ÁN KHÁC | |
| 1 | Mua vay bảo trì sửa chữa đường sắt (ODA Áo: 50 triệu Euro) | |
| 2 | Mua ghi sửa chữa đường sắt (ODA Áo: 10 triệu Euro) | |
| 3 | Mua mới 01 xe đo, ghi kiểm tra chất lượng đường sắt EM 120 | |
| 4 | Mua mới 01 máy điều hòa đá balat PBR 400R | |